

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HS-PT

Ngày 25-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Vang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 105/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thành T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Họ và tên: **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1988 tại Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1957 và bà Đinh Thị S, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm: 1989; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm: 2014 nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 30/5/2019, Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ-đen (không rõ biển số) đến Ủy ban nhân dân huyện P và gửi xe ở khu vực để xe để làm thủ tục vay tiền ngân hàng nhưng không được nên T định ra lấy xe đi về thì nhìn thấy bà Đàm Thị B đang dựng xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu đen-đỏ, BKS: 93H1-137.91 ở gần đó và mở cốp xe bỏ tiền vào trong nên T nảy sinh ý định lấy trộm số tiền này. Khi bà B đi vào khu hành chính Ủy ban nhân dân huyện, T lấy 01 sợi dây kẽm dài khoảng 10cm ở góc ba ga xe của mình bẻ cong một đầu rồi đi bộ đến xe mô tô BKS: 93H1-137.91. Lúc đó, T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu đỏ-đen, BKS: 93P1-291.90 của bà Mai Thị N dựng bên cạnh xe của bà B. T sử dụng sợi dây kẽm trên dùng tay trái chọc vào khe khóa mở yên xe phía sau, mở cốp lấy được số tiền 250.000 đồng bỏ vào túi áo khoác và đóng yên xe lại. T tiếp tục dùng sợi dây kẽm mở yên xe bà B lấy được số tiền 2.436.000 đồng bỏ vào túi áo khoác, đóng yên xe lại, rồi điều khiển xe của mình đi về.

Sau khi chiếm đoạt được tiền T trả nợ cho Đới Văn M số tiền 1.000.000 đồng, trả cho Trần Thanh D 200.000 đồng, cho Phạm Huỳnh N mượn 200.000 đồng, số tiền còn lại T để trong túi áo khoác thì bị rơi ở đâu không rõ, còn sợi dây kẽm T vứt ở ngã ba chế biến thuộc thôn P, xã P, huyện P. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bà B và bà N phát hiện bị mất số tiền trên nên đến phòng bảo vệ Ủy ban nhân dân huyện gặp ông Nguyễn Đức T, là nhân viên bảo vệ xem lại Camera an ninh thì phát hiện T đã lấy trộm số tiền trên nên đến Cơ quan Công an trình báo. Do biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên vào khoảng 16 giờ cùng ngày, T đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hết hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 quần Jean màu xanh ống dài nhãn hiệu CALVINKLEIN (đã qua sử dụng); 01 áo khoác màu xám dài tay nhãn hiệu OINGPENG (đã qua sử dụng); 01 USB quay lại cảnh T lấy trộm tài sản (đã được niêm phong).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B đã tuyên xử:

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/10/2019 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 14/10/2019 của bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành T chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị cáo là đúng với quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành T đã cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo bị tai nạn lao động thương tật 50%; hiện nay bị cáo đang trực tiếp nuôi 02 người con nhỏ sinh năm 2014 và 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành T. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và tất cả các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/5/2019, Nguyễn Thành T đi đến Ủy ban nhân dân huyện P để làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Khi ra lấy xe đi về thì T nhìn thấy bà Đàm Thị B đang dựng xe mô tô BKS: 93H1-137.91 ở gần đó và mở cốp xe bỏ tiền vào trong nên T nảy sinh ý định lấy trộm số tiền này. Khi T đi đến xe mô tô của bà B thì T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, BKS: 93P1-291.90 của bà Mai Thị N dựng bên cạnh xe của bà B. T sử dụng sợi dây kẽm dùng tay trái chọc vào khe khóa mở yên xe phía sau, mở cốp lấy được số tiền 250.000 đồng trong cốp xe bà N. Cũng hành vi như vậy T đã lấy được số tiền 2.436.000 đồng

trong cướp xe bà B. Sau đó T điều khiển xe của mình đi về. Do biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên vào khoảng 16 giờ cùng ngày, T đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hết hành vi phạm tội của mình. Hành vi nêu trên của bị cáo bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội để xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù, là mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu là Đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo bị tai nạn lao động bị thương tật 50%; hiện nay bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2014 và 2017. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục là đủ sức răn đe đối với bị cáo. Hơn nữa, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thành T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T.

[2] Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành T.

[3] *Về tội danh:*

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

[4] *Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/12/2019).

[5] Giao bị cáo **Nguyễn Thành T** cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành T không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- PV06 CA tỉnh B;
- UBND Tt. Đ, huyện B;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh